

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 25/5/2018
V/v TrA chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**
2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1261/2016/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2016 về việc “TrA chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Bảo Ngọc Mỹ D**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số 35 đường 138, tổ 3, khu phố 4, phường P, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Lê Thanh T**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: KE B17/33A đường Liên khu 5-6 ấp 2B, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà D và ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai - nguyên đơn bà Bảo Ngọc Mỹ D trình bày:

Bà và ông Lê Thanh T chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu ông bà chung sống bình thường, không có gì xảy ra. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng hay cãi vã nhau, ông T không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Hiện bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà đã cố gắng bỏ qua để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng vẫn không có kết quả tốt đẹp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà D và ông T có 01 con chung tên Lê Phúc A (nam), sinh ngày: 25/5/2015. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ A và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác nhận không có.

Bị đơn ông Lê Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bảo Ngọc Mỹ D đối với ông Lê Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tra chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bảo Ngọc Mỹ D nộp đơn xin ly hôn đối với ông Lê Thanh T. Ông Lê Thanh T hiện đang cư trú tại huyện C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Lê Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Thanh T theo quy định tại Điều 227,

Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Bảo Ngọc Mỹ D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Lê Thanh T đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Bảo Ngọc Mỹ D và ông Lê Thanh T nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông T tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông Lê Thanh T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 116/2013, quyển số 1/2013 do Ủy ban nhân dân phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2013 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bảo Ngọc Mỹ D với ông Lê Thanh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông T không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà D thì giữa bà và ông T bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng hay cãi vã nhau, ông T không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông T cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bảo Ngọc Mỹ D đối với ông Lê Thanh T.

[6] Về con chung: Bà Bảo Ngọc Mỹ D và ông Lê Thanh T có 01 con chung tên Lê Phúc A (nam), sinh ngày: 25/5/2015. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ A và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của bà D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ A, đồng thời hiện trẻ A đang sống chung với bà D, do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Lê Phúc A (nam), sinh

ngày: 25/5/2015 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo cho điều kiện phát triển bình thường của trẻ và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T.

[7] Về tài sản chung: Bà Bảo Ngọc Mỹ D xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà Bảo Ngọc Mỹ D xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Bảo Ngọc Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bảo Ngọc Mỹ D đối với ông Lê Thanh T.

Bà Bảo Ngọc Mỹ D được ly hôn với ông Lê Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 116/2013, quyển số 1/2013 do Ủy ban nhân dân phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2013 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Bảo Ngọc Mỹ D và ông Lê Thanh T có 01 con chung tên Lê Phúc A (nam), sinh ngày: 25/5/2015. Giao trẻ Lê Phúc A cho bà Bảo Ngọc Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lê Thanh T.

Ông Lê Thanh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều

84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Bảo Ngọc Mỹ D xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Bảo Ngọc Mỹ D xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Bảo Ngọc Mỹ D chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 0021174 ngày 14/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định